**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ 2014**

**Hòa Thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng**

**TẬP 92**

Các vị pháp sư, các vị đồng tu, xin mời ngồi!

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*.

*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*.

*A Xà Lê tồn niệm*, *ngã đệ tử Diệu Âm*, *thỉ tùng kim nhật*, *nãi chí mạng tồn*, *quy y Phật Đà*, *lưỡng túc trung tôn*, *quy y Đạt Ma*, *ly dục trung tôn*, *quy y Tăng Già chư chúng trung tôn*”.

Mời xem “**Đại kinh Khoa chú**” trang 317, hàng thứ năm. Khoa đề: “**Thọ ký Phật hộ**” được chia thành bốn đoạn nhỏ, đoạn thứ nhất là “***thọ ký***”. Mời xem kinh văn: “**Lên địa vị Quán Đảnh, nhận Bồ đề ký**”, đây là tu học đạt đến tầng thứ cao nhất rồi. Trong giáo dục Phật Đà, có thể lấy được học vị cao nhất, chính là thành Phật.

Chúng ta xem Chú giải của Niệm Lão: “***Thăng Quán Đảnh giai***” (lên địa vị Quán Đảnh), thấy trong bản Đường dịch. Trong năm loại nguyên bổn dịch thì bản Đường dịch “***hội Vô Lượng Thọ trong kinh Đại Bảo Tích***”, hai câu kinh này được trích ra từ trong bản Đường dịch. “***Giai (階) là địa vị***”, tức là địa vị, giai vị. “***Quán Đảnh là ở Ấn Độ vào thời cổ, khi Quốc vương lên ngôi, lấy nước bốn biển rưới lên đảnh đầu Vua***”, đây là một loại tục lệ của Ấn Độ cổ, dùng nước biển rưới lên đỉnh đầu, để lập Vua lên ngôi. Còn trong Mật tông: “***Mật giáo cũng giống thế, có pháp Quán Đảnh***”, trong Mật tông cũng có cách làm này. Nó có cùng ý nghĩa với cách làm, khi một Đế vương đăng cơ lập vị của Ấn Độ cổ, Thái tử thọ cái lễ Quán Đảnh liền tiếp nhận ngôi vị Quốc vương. Trong nhà Phật, Đẳng Giác Bồ Tát (tức Bổ Xứ Bồ Tát) nếu hướng lên cao hơn nữa chính là Phật Đà. Ở vào địa vị Phật, đấy là học vị cao nhất, cũng cử hành điển lễ Quán Đảnh.

“**Quán Đảnh có nhiều loại**”, đầu tiên giới thiệu cho chúng ta, “**nói giản lược**”, đơn giản mà nói “**thì có hai thứ**”. Loại thứ nhất là “**kết duyên Quán Đảnh**”, đây là loại phổ biến nhất. Kết duyên Quán Đảnh của Mật tông, cũng gần giống với thọ Tam quy của Hiển tông chúng ta. Thọ Tam quy tuyệt đại đa số là kết duyên Tam quy; chứ không phải thật, là kết duyên với Phật, tiến hành một cái lễ Tam Quy y. Tam Quy y nhưng kỳ thực lại không nói rõ, cũng chẳng nói một cách minh bạch. Chỉ biết rằng, tôi đã Quy y Tam Bảo, tôi là đệ tử Phật giáo, thật ra đây là hữu danh vô thực. Thật sự thấu suốt nghĩa lý của Tam quy, chân thật phát tâm một đời tuân thủ không bao giờ rời bỏ. Đây mới thật là Tam quy, vì nó sẽ dẫn dắt cuộc đời chúng ta thành Phật Đại Đạo. Quy y Phật là giác mà không mê, Quy y Pháp là chánh mà không tà, Quy y Tăng là tịnh mà không nhiễm. Mở đầu bài giảng, đầu tiên chúng ta sẽ niệm Tam Quy y. Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng, đây là Tam Bảo. Phật có nghĩa là giác ngộ; Pháp là chánh tri chánh kiến, không phải tà kiến, không phải biên kiến; Tăng là thanh tịnh sáu căn thanh tịnh, mảy trần chẳng nhiễm. Thực tế chính là vạn duyên buông xả, một lòng hướng về Đại đạo Bồ đề. Chân thật phát tâm có được mấy người kia chứ? Cho nên kết duyên Quy y có nhiều nghĩa, nhưng để thật sự Quy y lại chẳng dễ chút nào.

Loại thứ hai là “**thọ chức Quán Đảnh**”, loại này khác với “kết duyên”. Họ quả thật lên đến địa vị này, đây là địa vị Bồ Tát cao nhất trong nhà Phật. Phật Đà, thọ chức “***để bậc tích chứa công hạnh đúng pháp***”, tích lũy công phu tu hành. Công phu đạt đến cảnh giới này, Phật sẽ thọ ký cho họ, làm phép quán đảnh “***truyền cho ấn và chân ngôn của Bổn Tôn***”. Ấn này là tâm ấn, cái này Thiền tông có, Mật tông cũng có, dùng tâm ấn tâm, quả thật đạt đến cùng một cảnh giới. Huệ Năng Đại sư ở trong thất của Phương trượng Ngũ Tổ, đó là vào lúc nửa đêm. Ngũ Tổ giảng cho Ngài nghe đại ý kinh Kim Cang, giảng đến: “**Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm**”, Ngài liền “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, bèn nói ra năm câu. Chỉ ra tâm tánh là cái gì? Là như thế nào? Sau khi nói ra năm câu này, Ngũ Tổ liền nói với Ngài: “*Được rồi, không cần nói nữa*”, y bát liền trao cho Ngài, Ngài trở thành Tổ Sư đời thứ sáu. Lúc này, Huệ Năng Đại sư 24 tuổi; tiếp nhận y bát, dùng y bát làm đại biểu, chính là “***thọ ký Bồ đề***”. Lục tổ Huệ Năng “**thăng Quán Đảnh giai**” (lên địa vị Quán Đảnh), thọ chức Quán Đảnh trong Mật tông.

“***Để bậc tích chứa công hạnh đúng pháp***”, đây là người có công phu tu hành thật sự đến nơi đến chốn rồi. “***Được phép truyền thọ bí pháp, nên làm pháp Quán Đảnh***”, Phật Pháp chẳng có bí mật nào cả; ý nghĩa của từ “mật” này, ý là thâm mật. Quá sâu, người bình thường không thể hiểu nổi, nghe rồi cũng không thể tiếp nhận. Cho nên mới xưng là mật, thâm mật. Bản thân nhất định phải đạt đến cảnh giới này, thì một khi nghe được mới có thể thấu suốt hoàn toàn. Nhờ vậy, làm pháp Quán Đảnh cho người đó. “***Được quán đảnh xong, người ấy kham làm thầy dạy; làm bậc A xà lê trong Mật pháp***”. *A xà lê* là Phạn ngữ, dịch sang ý nghĩa Trung Quốc nghĩa là “Thầy mô phạm”. Ngôn hành của vị thầy này có thể làm tấm gương tu hành cho chúng ta, người đó sẽ được gọi là A xà lê. Trong pháp Đại thừa Trung Quốc như “minh tâm kiến tánh” trong Thiền tông, Giáo hạ là “đại khai viên giải”, Tịnh độ tông là “lý nhất tâm bất loạn”, đều là cùng một cấp bậc. Cho nên pháp môn bình đẳng, không có cao thấp, bất luận tu pháp môn nào cũng đều có thể chứng được. Điều kiện chứng đắc nhất định là… cái này trong kinh Đại thừa đã nói rất rõ. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước thảy đều phải buông xả, thật sự buông xả liền chứng đắc địa vị này. Vì vậy, chứng đến cảnh giới cao nhất trong Phật Pháp sẽ thành Phật, làm tổ. Không nhất định phải đọc rất nhiều sách, không nhất định phải học rất nhiều pháp môn. Chẳng liên quan gì đến mấy cái này, chỉ liên quan đến buông xả.

Huệ Năng Đại sư không biết chữ, chưa từng đi học, Ngài ở Hoàng Mai tám tháng. Thiền đường chưa từng đến mà giảng đường cũng chưa từng ghé qua, đó là một người thật thà từ đầu đến chân. Ngài đầy đủ điều kiện “***thật thà, nghe lời, thật làm***”. Ngài là một tiều phu, cái nghề này giờ đã không còn, thời kháng chiến vẫn còn. Chúng tôi từng thấy qua, thường thấy mấy chuyện này. Họ gánh nước rồi lên phố bán nước, bán củi; công việc này rất cực, rất vất vả, đều là làm công việc khổ cực nhưng thu nhập lại vô cùng ít ỏi. Mới tờ mờ sáng là đã lên núi đốn củi, gánh vào thành bán; bán xong thì cầm lấy số tiền ấy, mua một ít gạo, một ít rau; trở về nhà coi như qua được ngày hôm đó. Ngày ngày đều phải làm, ngày nào mà không làm thì ngày ấy không có cơm ăn. Nông thôn trước kia, người trải qua đời sống như vậy rất nhiều. Huệ Năng Đại sư là người bán củi. Ngài ở Hoàng Mai tám tháng, Ngũ Tổ bảo Ngài đến nhà bếp giã gạo, chẻ củi. Hay nói cách khác, chính là làm công việc sở trường của Ngài. Ngài khai ngộ rồi.

Chúng ta nghĩ tới Hải Hiền Lão hòa thượng của chùa Phật Lai, cả đời Ngài là làm công việc trồng trọt, cày cấy. Ngài không biết chữ, chưa từng đi học. Trồng trọt là nghề của Ngài, từ nhỏ là đã ở trên cánh đồng, cùng với người lớn học cách làm ruộng. Nên Ngài đối với việc trồng lương thực hết sức lành nghề, kinh nghiệm rất phong phú. Xuất gia rồi, một đời vẫn làm cái việc này y như cũ, cả đời không đổi. Sư phụ truyền cho Ngài chỉ có một câu “A Di Đà Phật”, bảo Ngài cứ thế mà niệm tiếp tục. Ngài niệm suốt 92 năm, 112 tuổi vãng sanh. Địa vị của Ngài là ngang hàng với Huệ Năng Đại sư, Ngài cũng là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Ngài là tu Tịnh tông Trì danh niệm Phật, niệm đến lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn chính là địa vị Quán Đảnh. Nhưng Ngài sanh vào thời đại này, chúng ta khẳng định Ngài là một vị đại đức của Tịnh tông cận đại; chúng ta không thể sánh bằng Ngài. Bạn hãy tỉ mỉ xem chiếc đĩa này, xem quyển sách nhỏ này mà thể hội. Không phải điều mà người bình thường có thể làm được, tu trì một câu Phật hiệu cả ngày từ sớm đến tối không gián đoạn. Sinh hoạt trong tâm có Phật, làm việc trong tâm có Phật, đối người tiếp vật trong tâm cũng có Phật; không có tạp niệm, không có vọng tưởng, không có phiền não. Nhìn thấy bất kỳ người nào cũng đều hoan hỷ, thấy ai cũng vui. Về điểm này mấy người có thể làm được? Nên Ngài đắc được pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Điều này Phật thường nói trên kinh, Ngài làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta, vì chúng ta biểu pháp.

Ba người của chùa Phật Lai, Ngài Hải Hiền với mẹ của Ngài; còn có sư đệ của Ngài là Pháp sư Hải Khánh. Bài trước chúng ta nói đến ba khổ, tám khổ, “sanh, lão, bệnh, tử” trong tám thứ khổ. Ba người họ đều không có nỗi khổ của “lão, bệnh, tử”, họ đều không có. Sanh khổ là lúc chào đời, đến khi lớn lên thì quên mất. Ba người họ, sư đệ của Ngài 82 tuổi vãng sanh, mẫu thân của Ngài 86 tuổi vãng sanh, còn bản thân Ngài 112 tuổi vãng sanh. Già…không có già khổ, tuổi tác lớn như vậy nhưng tinh thần và thể lực giống như thanh niên vậy. Đầu óc tư duy nhanh nhẹn không thua gì người trẻ tuổi, không có bệnh, không có nỗi khổ của chết, nói đi là đi. Vào cái ngày mẹ Ngài vãng sanh, Bà còn tự mình xuống bếp gói sủi cảo. Mọi người sau khi ăn xong, Bà ngồi trên ghế, chân xếp bằng thế là ra đi; không có chết khổ, ra đi một cách hoan hỷ. Cho nên, tôi gọi họ là “Lai Phật Tam Thánh”.

Ngài Hải Hiền vãng sanh chẳng có ai biết, Ngài đi vào lúc nửa đêm. Cái ngày ra đi hôm đó còn làm việc hết một ngày, từ sớm đến tối đều ở trong vườn rau lớn, ở đó tưới nước, nhổ cỏ, cuốc đất. Làm hết một ngày, làm đến xế chiều, có vài người nhìn thấy Lão hòa thượng bèn nói: “*Trời tối rồi, sư đừng làm nữa*”. Ngài nói thế nào? “*Tôi sắp làm xong rồi, làm xong rồi tôi sẽ không làm nữa*”. Không ngờ lời nói này là một lời mà có hai ý. Lúc đó, người ta không phát giác ra, đến tối thì Ngài ra đi. Tối hôm đó quả thật khác với lúc bình thường, người khác cũng không chú ý đến. Lão hòa thượng lạy Phật trước giờ không có đánh khánh, vậy mà tối hôm đó lạy Phật lại có tiếng đánh khánh. Ngài vẫn luôn ở đó lạy, mọi người thấy Lão hòa thượng ở đó lạy Phật. Sau khi làm xong công khóa tối, ai cũng đều đi ngủ hết. Đến sáng ngày hôm sau thức dậy, phát hiện Lão hòa thượng đã đi rồi. Bạn xem, không cần người trợ niệm; có đồng học nói: “*Lúc nào sư đi thì nói với chúng con, chúng con đến trợ niệm cho sư*”. Ngài trả lời thật hay: “*Tôi đi không cần người trợ niệm; cần người trợ niệm không đáng tin, không chắc ăn. Không có nắm chắc, tôi tự mình niệm Phật vãng sanh*”, thật sự tự mình niệm Phật ra đi. Đến sáng sớm hôm sau thức dậy, mọi người thấy đèn trong phòng Lão hòa thượng còn sáng, cũng không nghĩ là Ngài đã đi rồi. Mọi người đi làm công khóa sáng, làm xong bài khóa sáng đến phòng Ngài xem thử, thì Lão hòa thượng đã đi rồi. Đi vào buổi tối, không có chết khổ.

Nếu bạn nói học Phật có ích lợi gì? Ba người các ngài đã biểu diễn cho chúng ta rồi đấy. Học Phật không có già khổ, không có bệnh khổ, không có chết khổ; ra đi một cách tiêu sái như vậy, ra đi tự tại như vậy. Nhìn xem người lớn tuổi trong xã hội hiện nay, tuổi tác cũng chưa đến nỗi lớn lắm, cỡ trung niên; vậy mà cũng mắc bệnh chết rồi, khổ không kể xiết; bạn xem thấy bệnh khổ, thấy già khổ, thấy chết khổ. Ba người này, già mà không bệnh, chết mà không khổ, vui vẻ, nói đi là đi. Ngài Hải Khánh còn lưu lại nhục thân, mẹ của Ngài Hải Hiền thì không còn thấy thân xác Bà nữa, cho đến Hải Hiền Lão hòa thượng. Tôi từng nói qua với các vị, cả đời Ngài gặp mặt A Di Đà Phật quyết định trên mười lần. Thời gian của Ngài dài như vậy, 20 tuổi niệm A Di Đà Phật, 112 tuổi vãng sanh. 92 năm, trong khoảng thời gian dài như vậy, Ngài thấy Phật không chỉ có mười lần. Bản thân Ngài có hé lộ tin tức cho chúng ta, Ngài nói: “*Tôi mấy lần xin A Di Đà Phật mang tôi đến Thế giới Cực Lạc*”, Ngài bảo, “*nhưng lão Phật gia không chịu đưa tôi đi; bảo tôi tu hành khá, muốn tôi trụ lại thế gian này biểu pháp cho mọi người xem*”.

Hay nói cách khác, thọ mạng Ngài dài như vậy đó là nhờ A Di Đà Phật gia trì, mục đích là muốn kêu Ngài biểu pháp. Biểu pháp sau cùng, chính là nhìn thấy quyển sách này. Nơi này có tấm hình đó của Ngài, là bức hình chụp vào ba ngày trước khi Ngài vãng sanh. Có người tặng quyển sách này cho Ngài, quyển “Nếu Muốn Phật Pháp Hưng, Chỉ Có Tăng Khen Tăng”, có lẽ là do A Di Đà Phật nói với Ngài. Nếu như có người tặng quyển sách này cho Ngài, Phật liền đến tiếp dẫn Ngài vãng sanh. Vì vậy, Ngài vừa nghe được tên của quyển sách, hoan hỷ vô cùng như bắt được báu vật; liền đi đắp y, cầm lấy quyển sách này, yêu cầu mọi người: “*Mọi người chụp hình cho tôi với*”. Đây là biểu pháp cuối cùng, thừa nhận một điều rằng, Phật Pháp nếu muốn hưng vượng thì người xuất gia phải tán thán lẫn nhau, không được hủy báng. Phê bình, chỉ trích chê bai nhau, nếu vậy thì Phật Pháp liền suy chứ không thể hưng vượng được. Muốn hưng thì nhất định phải tán thán lẫn nhau.

Đạo lý này, cổ nhân Trung Quốc có nói: “***Gia hòa vạn sự hưng***”; tán thán lẫn nhau là hòa mục, phê bình lẫn nhau là bất hòa. Nhà bất hòa thì liền suy, tán thán nhau thì nhất định sẽ hưng vượng. Cho nên dùng trong gia đình, dùng nơi công ty hàng hiệu, dùng nơi đoàn thể đều hữu hiệu; xã hội, quốc gia cũng là như vậy. Xã hội hôm nay động loạn là do không hòa. Mọi người cứ cạnh tranh với nhau, phê bình nhau; khen mình chê người, tạo nên hiện tượng rối loạn trong xã hội, tạo thành tai nạn trên trái đất. Nếu như chân thật có thể làm được đến chung sống hòa mục, bình đẳng đối đãi, cư dân trên trái đất thật sự có thể trải qua một đời sống hạnh phúc, trái đất có thể sáng tạo nên thái bình thịnh thế. Lịch sử Trung Quốc có không ít lần thái bình thịnh thế, đây là cái sáng tạo của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Tương lai thái bình thịnh thế là mang tính toàn cầu, chứ không phải của riêng một khu vực.

Nhà triết học lịch sử người Anh, tiến sĩ Thang Ân Tỷ, cuối đời chúng tôi thể hội được. Người này là người có trí huệ, vô cùng từ bi. Sau khi bom nguyên từ được phát minh ra, ông ngày ngày đều thấp thỏm lo âu. Loại vũ khí này xuất hiện, nhân loại có khả năng tiêu diệt sinh vật trên trái đất, có thể hủy diệt văn minh trên trái đất. Đây chính là tuyệt diệt con người trên trái đất này. Đó là gì? Là chiến tranh hạt nhân. Chiến tranh hạt nhân không có chuyện thắng thua, mà là cùng nhau đi đến chỗ tận diệt, đó là tự sát tập thể, đây là một sự việc vô cùng bi thảm. Vì vậy, ông hô hào làm sao để tránh khỏi chuyện đó; có lẽ ông xem thấy thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc của Trung Quốc, đến triều Hán. Trong giai đoạn lịch sử này, Xuân Thu Chiến Quốc là vào cuối triều Chu, các nước chư hầu không phục Vua của nhà Chu, dẫn đến việc mạnh ai nấy làm, tiến hành chinh phạt lẫn nhau. Đó là một thời kỳ động loạn không yên, bá tánh thời kỳ này vô cùng thống khổ. Thời kỳ này kéo dài 500 năm, một khoảng thời gian tương đối dài, đến sau cùng được vua Tần Thủy Hoàng thống nhất. Sau khi thống nhất đất nước, về mặt chính trị thì Trung Quốc coi như được thống nhất rồi, nhưng lại không chú trọng đến văn hóa luân lý đạo đức. Cho nên chỉ sau 15 năm thì mất nước, nhà Hán nhảy vào tiếp tục nắm quyền thống trị. Hán Vũ Đế nghe theo kiến nghị của Đổng Trọng Thư dùng Nho trị nước, dùng Phật để dạy dân. Giáo hóa lão bá tánh, dùng Đạo để bái tế Tổ tông, Hán Vũ Đế tiếp nhận lời ấy, thế là nhà Hán xuất hiện thời kỳ thịnh thế.

Trước thời Hán Vũ Đế là thời của Văn Cảnh Chi Trị. Sau triều Hán, Trung Quốc được đại thống nhất là dưới triều Đường. Triều Đường có Trinh Quán, thời kỳ Khai Nguyên Chi Trị. Lúc thịnh vượng nhất, các nước nhỏ khắp bốn vùng đều đến Trung Quốc triều cống, đều quy thuận Trung Quốc. Cái này không phải có vì dùng vũ lực, mà là dùng đạo đức cảm vời được. Văn hóa khiến cho nhiều quốc gia sanh khởi niềm tin; ngưỡng mộ văn hóa truyền thống, tự nhiên họ đến quy phục. Tiến sĩ Thang Ân Tỷ nhìn thấy điểm này, cho rằng thế giới mai này nếu muốn vĩnh viễn tránh khỏi chiến tranh hạt nhân, thế giới cần phải thống nhất thành một quốc gia; trở thành chính phủ thế giới, quốc gia thế giới. Cuối đời ông thường đàm luận về những điều này, trong tác phẩm của ông đều được đăng tải trên tạp chí và trên báo chí. Có hai người, Nhật đã đem nó sưu tập lại. Trong những lời bàn luận này, ông đặc biệt chú trọng đến văn hóa truyền thống Trung Quốc. Tương lai có thể thống nhất hòa hợp toàn thế giới là nhờ cái gì? Chính là văn hóa truyền thống Trung Quốc, ông thống thiết mang hy vọng gửi gắm vào văn hóa truyền thống Trung Quốc. Những lời ông nói là chính xác, có thể nói là hoàn toàn chính xác, nói được vô cùng có đạo lý. Người Trung Quốc nên nghiêm túc chăm chỉ học tập, để có thể mang lại an định hài hòa trên toàn thế giới; để thế giới này, quốc gia với quốc gia, chính đảng với chính đảng, dân tộc với dân tộc, tôn giáo với tôn giáo đều có thể bình đẳng đối đãi, chung sống hòa mục, tạo nên một trái đất ngàn năm thịnh thế.

Suy nghĩ của Thang Ân Tỷ với suy nghĩ của tôi, hoàn toàn giống nhau. Liệu có thể làm được chăng? Được. Chúng tôi có niềm tin. Niềm tin từ đâu mà có? Từ bộ Quần Thư Trị Yếu. Đây là bảo điển trị quốc của Đường Thái Tông, chúng tôi cho phiên dịch thành ngoại ngữ. Rất nhiều người nước ngoài xem thấy rồi, không có ai là không hoan hỷ. Năm ngoái đến tháng năm năm nay, hai lần chúng tôi ở Unessco Liên hợp quốc Paris đã phân phát cho đại sứ các nước. Trong tổ chức này, có tổng cộng 195 đại biểu khu vực của quốc gia, chúng tôi thảy đều gửi tặng cho họ. Họ hoan hỷ vô cùng, đều có thể tiếp nhận, không một ai phản đối. Ngoài ra, tôi còn sưu tập một số câu kinh trong những Kinh giáo, soạn thành một quyển sách nhỏ, gọi là “Tôn Giáo Thế Giới Là Một Nhà”; cũng không gặp phải lời phản đối nào. Mười mấy cái tôn giáo trên thế giới, tôi thảy đều đã đi thăm qua, đều đem quyển sách nhỏ này tặng cho họ, xin họ phê bình chỉ giáo.

Hiện nay, tôi đang khích lệ tôn giáo phỏng theo Quần Thư Trị Yếu. Hiện nay, chúng tôi còn đặc biệt lưu thông Quần Thư Trị Yếu 360, mỗi một tôn giáo đều cho ra mắt một quyển 360; để chúng ta có thể trong khoảng thời gian ngắn nhất nhận biết về tôn giáo ấy, hiểu được tôn giáo ấy, học tập theo tôn giáo ấy. Tốt! Vì Kinh điển quá nhiều, không có thời gian để đọc, chúng ta cần những điều tinh hoa. Cứ cho trích lục một số tinh hoa, rồi soạn thành một quyển sách nhỏ. Vương Thần Phụ đã soạn một quyển “Kinh Thánh 360”. Một vị trưởng lão của Đạo Hồi bên Singapore, ông đang soạn “Kinh Koran 360”. Đây đều là chuyện tốt! Chúng tôi nghe chuyện, nhìn thấy rồi thật hoan hỷ vô cùng. Hôm nay, nên nghiêm túc nỗ lực vì sự an định hài hòa của toàn thế giới. Người Trung Quốc có nói: “***Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ***”. Ý nghĩa của “bình thiên hạ” chính là, các nước, tất cả quốc gia trong thiên hạ có thể bình đẳng đối đãi, chung sống hòa mục; là cái ý này, thiên hạ là một nhà. Phải tuyên dương cái khái niệm này, hướng về mục tiêu này mà nỗ lực. Tôn giáo có thể làm được, văn hóa có thể làm được. Trước hơn hết phải đoàn kết tôn giáo, phổ cập văn hóa trên toàn thế giới; để văn hóa toàn thế giới đều có thể phát dương quang đại, học tập lẫn nhau. Dung thông thành một thể, liền có thể thực tiễn được cái nguyện vọng “bình thiên hạ” này. Đây không phải chỉ là một loại ảo tưởng, mà đây đều thuộc về truyền giáo.

Chúng ta xem tiếp Chú giải, xem từ hai hàng cuối: “**Được quán đảnh xong, người ấy kham làm thầy dạ**y”. Sau khi tiếp nhận Quán Đảnh, người ấy trở thành một vị thầy, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật vậy. Chúng ta xưng Phật Thích Ca là Bổn sư “***làm bậc A xà lê trong Mật pháp***”. *A xà lê* là tiếng Phạn, dịch sang ý nghĩa Trung Quốc gọi là “Thầy quỹ phạm”. *Quỹ* là quy tắc, phạm là mô phạm. Vị thầy này không luận là tư tưởng, lời nói, hành vi đều đáng để chúng ta học tập, đều là tấm gương tốt nhất cho chúng ta; đây liền được xưng là A xà lê. Cho nên nói: “***Đấy là thọ chức***”. Chữ “thọ chức” này cũng có nghĩa là “truyền giáo”, thọ chức Quán Đảnh. Ở trên, “Quán Đảnh” được phân làm hai loại, một loại là thọ chức Quán Đảnh, một loại là kết duyên Quán Đảnh. Đây là cách giảng phổ biến nhất. “**Nếu bàn tỉ mỉ**”, nếu như nói tương đối cặn lẽ tỉ mỉ hơn một chút “***thì với hai loại Quán Đảnh vừa nói trên, lại có bốn cách quán đảnh thường được sử dụng***”. Bốn loại này thì loại thứ nhất là: “***Bình Quán, được tự tại tùy ý tu tập cách sanh khởi theo thứ lớp***”, giống như chúng ta đi học vậy. Quán Đảnh này là gì? Chính là lễ tốt nghiệp. Lúc tốt nghiệp tiểu học sẽ có một lần làm lễ tốt nghiệp, sơ trung có một lần, đến cao trung có một lần, đại học cũng có một lần. Đến sở nghiên cứu, lấy được học vị tiến sĩ, đây là lần cuối cùng. Mỗi lần tiếp nhận lễ tốt nghiệp đều là một lần quán đảnh. Trong Phật giáo cũng y như vậy, được tự tại tùy ý tu tập cách sanh khởi theo thứ lớp, họ biết bản thân hiện đang ở tầng thứ nào. Bình Quán là sanh khởi, dùng bình đựng nước, rồi rưới lên đỉnh đầu. Kết duyên Quán Đảnh cũng là như vậy, cũng dùng Bình Quán.

Thứ hai là: “***Mật Quán, được tự tại tùy ý tu tập về các khí mạch, minh điểm***”. Đến khi tu học đạt đến một trình độ nhất định, Lão sư sẽ truyền thụ cho bạn. Đây coi như nâng cao lên một bậc. Thứ ba là: “***Huệ Quán, được tự tại tu trì Bồ đề tâm quyết***”, đây là trí huệ. Ngũ Tổ truyền pháp cho Pháp sư Huệ Năng, chính là dùng loại thứ ba ở chỗ này với loại thứ tư, thứ tư là: “***Được tự tại tu trì pháp môn Đại Thủ Ấn (Mahamudra)***”, cái này là địa vị cao nhất trong Mật tông. “***Mật giáo đặt nặng vấn đề truyền thừa, chưa qua quán đảnh chẳng được tự tiện tu tập. Các nghi quỹ, Kinh điển cũng chẳng được tự tiện đọc***”. Kinh điển của Mật tông chưa được thọ Quán Đảnh thì không được coi, không được học. Vì thế, nó rất chú trọng đối với việc truyền thừa; không như Hiển tông, Hiển tông không có; thầy vẫn có thể học, kinh sách có thể đọc, trong Hiển tông không có. Thầy hướng dẫn liệu có thể tu được không? Được. “***Đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu***”, đây là trong Hiển giáo. Tự thấy chính là khai ngộ, khai ngộ ra làm sao? Tâm thanh tịnh liền khai ngộ. Cho nên, tu học Hiển giáo chú trọng ở tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác” trên Đề kinh của chúng ta. Thanh tịnh là tâm của A La Hán. A La Hán với Bích Chi Phật thì tâm thanh tịnh, đã đoạn được kiến tư phiền não. Kiến tư phiền não là gốc của lục đạo luân hồi. Kiến tư phiền não đoạn được rồi, gốc của lục đạo luân hồi không còn, thế thì lục đạo luân hồi sẽ ra sao? Sẽ không thấy lục đạo luân hồi nữa.

Vì thế, phải biết sáu nẻo luân hồi là giả không phải thật; nó giống như nằm mộng vậy, nó là cảnh giới trong mộng. Mộng tỉnh rồi, thì đến vết tích trong mộng cũng không còn, không bao giờ tìm thấy nó. Ai có thể tỉnh khỏi giấc mộng này? Là A La Hán, Bích Chi Phật. Sau khi tỉnh mộng, sẽ không còn thấy sáu nẻo luân hồi. Cái mà các ngài nhìn thấy là cảnh giới gì? Là Tứ Thánh Pháp giới. Cảnh giới sau khi các ngài tỉnh giấc chính là Pháp giới Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật. Các Ngài nhìn thấy những cảnh giới này, những cảnh giới này có phải là thật không? Không phải, đây cũng là một giấc mộng. Tỉnh khỏi giấc mộng này mới là thật, lúc đó các ngài sẽ nhìn thấy Nhất Chân Pháp giới, chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật. Thật với giả thì dùng cái gì làm tiêu chuẩn? Nhà Phật có một tiêu chuẩn tuyệt đối, chính là ***có sanh có diệt thì là giả, không sanh không diệt là thật***. Mười Pháp giới đều là có sanh có diệt, chúng sanh Mười Pháp giới là nương A lại da làm tâm. A lại da là Pháp Sanh Diệt, cho nên nó đem Nhất Chân Pháp giới biến thành Mười Pháp giới, kinh Hoa Nghiêm đã nói rất tường tận: “**Hết thảy vạn vật trong cái vũ trụ này là do tâm hiện thức biến**”.

Người trong Mười Pháp giới có hai thứ tâm: một cái là chân tâm, một cái là vọng tâm. Chân tâm năng hiện, năng sanh, bất biến; còn vọng tâm thì năng biến. Vọng tâm chính là suy nghĩ, tư tưởng của chúng ta hiện nay, đây chẳng phải thứ tốt lành gì. Nếu buông xả những thứ này, chân tâm liền hiện tiền; có tư tưởng thì chân tâm không thể xuất hiện. Vì thế, Tổ sư đại đức thường dạy chúng ta buông bỏ sáu trần, buông bỏ sáu căn, buông bỏ sáu thức. Sáu thức tức là ý niệm, khi thảy đều buông xả, Nhất Chân Pháp giới liền xuất hiện. Những người nào sẽ trú trong Nhất Chân Pháp giới? Là bậc minh tâm kiến tánh, “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”; các Ngài trú ở trong Nhất Chân Pháp giới. Hải Hiền Lão hòa thượng hoặc giả chúng ta nói ba vị đại đức đã vãng sanh của chùa Phật Lai, các ngài sanh đến Thế giới Cực Lạc, sẽ ở vào phẩm vị nào? Thảy đều sanh đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm, các ngài không ở cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng không ở cõi Phương Tiện Hữu Dư, mà là vãng sanh đến cõi Thật Báo. Vì sao? Vì các ngài đều đã đạt đến cảnh giới “minh tâm kiến tánh”, cái này chúng ta phải biết. Thành tựu cả đời của họ, chúng ta phải nỗ lực mà đuổi theo. Các Ngài có thể làm đến được, chúng ta cũng có thể làm được. Đối với Mật tông, trong tài liệu tham khảo của chúng ta, nội dung bộ này cực kỳ phong phú. Các vị nghiên cứu kinh Vô Lượng Thọ, nghiên cứu cái bản này, thì bộ tư liệu này có thể cung cấp cho chúng ta làm tham khảo. Cho nên rất nhiều danh tướng, tôi không có giảng vì trong này có hết rồi. Chúng ta muốn học, là phải đem nghĩa lý kinh giáo cùng với lý niệm và phương pháp tu hành, làm thế nào để áp dụng vào trong đời sống của mình? Vừa học vừa làm chúng ta mới chân thật đạt được. Cái này rất quan trọng, nếu không. . . có học cũng vô ích, người ta không tin. Nếu như nói học cái này để làm gì? Chính là để vãng sanh Thế giới Cực Lạc. Bây giờ thì sao? Bây giờ không còn hữu dụng nữa, vì cái này giờ chẳng ai học, nhưng nó thật sự hữu dụng sao? Thật sự hữu dụng.

Thích Ca Mâu Ni Phật hoàn toàn dùng vào trong đời sống thường ngày của Ngài, Ngài là người tiên phong đầu tiên. Nối tiếp theo đó, hãy nhìn lịch đại Tổ sư đại đức mà xem, có người nào không phải là như vậy? Cận đại chúng ta thấy Ấn Quang Đại sư, chúng ta thấy Hải Hiền Lão hòa thượng. Các Ngài quả thật đã thực hiện vô cùng sinh động, vô cùng hoạt bát để chúng ta ngay trong đời này, phàm phu chúng ta nhìn thấy. Ngài dường như rất vất vả cực khổ, trải qua ngày tháng rất nhọc nhằn, kỳ thực không phải thế, Ngài rất hoan hỷ. Trong này có nói qua, bản thân Ngài là một nhân vật như thế nào? Nhìn thấy người nào cũng đều hoan hỷ, thấy chuyện gì cũng đều vui vẻ. Vì sao? Vì Ngài không có phân biệt, không có chấp trước, không có phiền não, nên thường sanh tâm hoan hỷ. Cả ngày từ sớm đến tối đều vui vẻ hoan hỷ, đây chẳng phải chẳng khác gì với Thế giới Cực Lạc rồi sao! Chúng ta thấy Ngài khổ, còn bản thân Ngài thì đang tận hưởng sự khoái lạc. Những thứ đồ ăn này, người bình thường sẽ chẳng bao giờ muốn ăn; nhưng vào miệng Ngài thì biến thành cam lồ, biến thành đề hồ, phàm phu không cách gì cảm nhận được. Nhà khoa học lượng tử hiện đại hiểu được cái gì? Chính là “***cảnh tùy tâm chuyển***”. Tâm Ngài chánh, Ngài không có vọng niệm, Ngài là chân tâm nên đồ ăn vào miệng thì mùi vị là chân vị, chứ không phải giả. Còn chúng ta hiện nay, biến đồ thật thành “chua, ngọt, đắng, cay, mặn”, đều là giả; còn Ngài nếm được chân vị. Cái Ngài nếm được chẳng khác gì với chư Phật Như Lai, đó là công phu gì? Chính là sáu căn đối với cảnh giới sáu trần, không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước, đắc đại tự tại. Pháp thân, Bát nhã, Giải thoát thảy đều chứng được.

Ở vào thời đại này của chúng ta, chúng ta có thể thấy được ba vị Hiền nhân của chùa Phật Lai. Thật là khó được, điều này đáng để bản thân chúng ta lấy làm vui mừng phấn khởi. Tôi khuyên mọi người xem cái đĩa này một ngày ba lần, một ngày niệm mười ngàn danh hiệu A Di Đà Phật. Bạn dụng công một năm, cái gốc liền được cắm vững. Sau một năm, tôi tin rằng, công phu của bạn sẽ được nâng cao, có muốn buông cũng không buông được. Bạn sẽ vĩnh viễn như Hải Hiền Lão hòa thượng vậy, 92 năm không gián đoạn, đây là điều thù thắng không gì bằng trong Tịnh tông. Nếu như không biết thì thật đáng tiếc, bạn sẽ để cơ hội này luống qua ngay trước mặt. Cái này, Phật Pháp gọi là “**duyên phận**”.

Chúng ta xem tiếp một đoạn phía sau đối với ý nghĩa của “Quán Đảnh”, nếu như nói cặn kẽ: “***Ngoài ra, Quán Đảnh còn phân biệt giữa Sơ vị và Hậu vị; Sơ vị như quyển thứ mười lăm Đại Nhật Kinh Sớ Giảng***” (phần văn giản lược nói bên dưới là phần tóm tắt). Tóm tắt, nên Ngài chỉ dùng vài điểm mang tính đại biểu thôi: “***Ví như dòng Sát Lợi trong thế gian muốn kế tục ngôi vị để dòng Vua chẳng dứt; phải quán đảnh cho đích tử; lấy nước bốn biển đựng vào bốn cái bình báu. . . giội lên đầu Thái tử. Giội nước ấy xong, lớn tiếng xướng ba lần***”. Đây là tuyên cáo với nhân dân khắp cả nước: “***Mọi người nên biết***”, tức là mọi người nên biết “***Thái tử đã nhận lãnh địa vị xong. Từ nay trở đi, với tất cả mệnh lệnh của Ngài đều phải phụng hành***”. Hôm nay Thái tử tiếp nhận ngôi vị Quốc vương; từ nay về sau, mệnh lệnh của Ngài nhất định phải phục tùng theo. Đây là Sơ vị Quán Đảnh, là địa vị ban đầu.

“***Nay đấng Như Lai Pháp Vương cũng giống như vậy, muốn cho dòng Phật chẳng đoạn nên dùng cam lộ pháp thủy rưới lên đảnh Phật tử. . .*** ”. Trong Phật môn, sau khi Phật diệt độ thì hình thành nên rất nhiều tông phái. Trong tông phái, địa vị tu học đều có sự khác biệt. Bậc trưởng bối khi công nhận thành tựu tu học của kẻ hậu bối, thì sẽ cử hành lễ quán đảnh cho người đó, chứng tỏ người đó có thể bước ra giảng kinh, dạy học. Cũng tức là nói, đức hạnh, trí huệ, năng lực thiện xảo phương tiện của họ đều đạt đến địa vị bình đẳng với lão sư; đồng nghĩa, lão sư sẽ trao học vị cho họ, trong nghi lễ của cái học vị này có quán đảnh.

“***Từ đây trở đi, hết thảy Thánh chúng đều phải kính ngưỡng; cũng phải biết rằng người này rốt ráo chẳng thoái thất Vô thượng Bồ đề; quyết định kế tục địa vị Pháp Vương của Như Lai***”, chữ “thiệu (紹)” này có nghĩa là kế tục. “***Cách giải thích trong đoạn Sớ Văn trên đây là xét theo hành nhân thuộc Sơ vị***”. Để giải thích, hiện tại trong Mật tông vẫn có; trong Hiển giáo thì hiện giờ hết rồi, đã không còn các bậc tổ tiếp nối nữa. Bây giờ kế thừa tông phái chỉ là một tờ giấy, một bản chứng nhận; anh là thuộc Thiên Thai hay Hiền Thủ, là con cháu của đời thứ bao nhiêu. Cho và nhận âm thầm, gọi là pháp quyển. Giờ đã không còn Sư thừa nữa rồi, một tờ giấy pháp quyển cũng không đáng tin. Họ là truyền nhân Thiên Thai đời thứ mấy đó… nhưng điển tịch tông Thiên Thai có thật sự học qua không? Không có. Kinh điển tông Thiên Thai có từng giảng qua không? Không có, thế thì không tính. Sau khi tiếp nhận lễ quán đảnh thì phải giảng kinh, phải dạy học; người ta gọi anh là pháp sư, “sư” tức là người phải giải nghi truyền Đạo; anh không thể giúp chúng sanh đoạn nghi sanh tín, không thể đem Phật Pháp đời đời truyền nối. Thế thì quán đảnh này là giả, không phải thật; đạo lý nhất định phải làm cho rõ ràng, minh bạch.

Tôi ở Đài Trung cầu học, Lão sư lúc cuối đời có tổ chức một lớp, gọi là lớp nghiên cứu nội điển. Học trò chỉ có tám người với sáu thầy, bản thân Lão sư Lý mà một trong số đó; năm người còn lại đều là học trò của thầy, tôi cũng là một trong số năm người đó. Thầy chọn chúng tôi đứng ra dạy cái lớp này, đồng nghĩa thọ ký cho chúng tôi, khẳng định chúng tôi có cái năng lực ấy. Học trò, tám người học trò của cái lớp này đều là người tốt nghiệp đại học. Vì vậy, cái lớp này trên thực tế tựa như sở nghiên cứu vậy, bốn năm là tốt nghiệp. Luật sư quả thanh ở Đài Trung, chính là một người trong cái lớp ấy, Lão sư Lý mở cái lớp này. Mở được bốn năm, trong số học trò có một người thành tựu, coi như cũng chẳng uổng công. Có một người thành tài cũng đủ rồi, có hai người thì coi như rất thù thắng; những đồng học khác cũng không tệ, giờ vẫn còn. Đại khái, họ kém tôi ít nhất là hai chục tuổi.

Quả thanh luật sư năm nay sáu mươi sáu tuổi, Lão sư ở cái thời này rất nhiều người đã không còn. Lão sư Lý cũng đi rồi, bao gồm cả bốn người đồ đệ của thầy. Sáu người thì chỉ còn sót lại mình tôi với từ tỉnh dân là hai người. Thầy từ tỉnh dân vẫn còn sống, năm người khác đều vãng sanh cả rồi. Đồng học chúng tôi có chu gia lân, chu gia lân cũng qua đời rồi. Hai vị thầy khác đều là cư sĩ tại gia, là Lão cư sĩ học Phật cùng với Lão sư Lý. Có một người là hứa Lão cư sĩ, vẫn còn một người là lưu Lão cư sĩ. Hai người này đều là giáo sư đại học, bản thân Lão sư Lý bồi dưỡng ra được. Ba người chúng tôi gồm tôi, từ tỉnh dân với chu gia lân. Trong quá trình đó, không có làm hình thức này, không có hình thức quán đảnh, nhưng có ý nghĩa của quán đảnh trong đó.

Mai này, Phật Pháp muốn hưng vượng trở lại; thầy Phương đã từng nhiều lần nói với tôi, nhất định phải khôi phục lại chế độ tùng lâm. Chế độ tùng lâm là vào triều Đường, chính là xuất phát từ hai vị Đại sư là ngài Mã Tổ với ngài Bách Trượng mà có. Chế độ tùng lâm là gì? Chính là đại học, chính thức bước vào đại học. Với cách làm như vậy, Phật Pháp mới có thể hưng vượng. Ba người chấp sự chủ yếu của tùng lâm, có chủ tịch tùng lâm cũng như hiệu trưởng đại học thủ tọa hòa thượng tựa như giáo vụ trưởng, cai quản việc dạy học; duy na là huấn đạo trưởng; giám viện tức là thầy đương gia, là tổng vụ trưởng. Tính chất công việc hoàn toàn giống nhau, chỉ khác danh xưng mà thôi. Cho nên, phải thành lập đại học Phật giáo. Tốt nghiệp đại học Phật giáo, chính là Quán Đảnh. Cầm lấy giấy chứng nhận tốt nghiệp này, mới xem là một vị thầy hợp pháp, hợp cách. Giảng kinh dạy học thì bạn phải chọn một người có tư cách hợp pháp, đây chính là Sơ vị Quán Đảnh. Nếu như lại có nghiên cứu sâu hơn, đến sáu mươi, bảy mươi tuổi. Trường học nước ngoài có giáo thọ danh dự, đây là sự tôn trọng đối với bạn. Bạn đã ở ngôi trường này, làm công tác dạy học đã rất nhiều năm có rất nhiều cống hiến. Tuy đã về hưu rồi, trường học vẫn sẽ trao cho bạn cái bằng danh dự này. Trong các buổi lễ lớn của trường, họ đều mời vị giáo thọ danh dự này đến tham dự quán lễ. Cái này thì giống với cái gì? Là Hậu vị Quán Đảnh, mang cái nghĩa như vậy.

Trong Phật giáo, dùng nước cam lộ rưới lên đảnh Phật tử “***từ đây trở đi, hết thảy Thánh chúng đều phải kính ngưỡng; cũng phải biết rằng người này rốt ráo chẳng thoái thất Vô thượng Bồ đề***”. Đây là dành cho Bồ Tát, chứ không phải Thanh Văn, với Duyên Giác. Tại sao thế? Vì các ngài không còn thối chuyển đối với Vô thượng Bồ đề. “***Quyết định kế tục địa vị Pháp Vương của Như Lai***”, tương lai nhất định thành Phật, tức là minh tâm kiến tánh thì sẽ thọ cái lễ quán đảnh này. “***Cách giải thích trong đoạn Sớ Văn trên đây là xét theo hành nhân thuộc Sơ vị; còn với hạng Hậu vị thì như sách Bí Mật Ký Giảng, Bồ Tát từ Sơ Địa đến Đẳng Giác tổng cộng có 11 vị thứ***”. Sơ Địa đến Thập Địa có mười vị thứ, lên cao nữa là Đẳng Giác. “***Lúc gần đạt quả Phật cứu cánh***”, Đẳng Giác hướng lên nữa là Diệu Giác, chính là Phật Quả. Phật Quả là Diệu Giác Như Lai, lúc này “***chư Phật dùng nước đại bi quán đảnh, tự hạnh liền viên mãn, chứng đắc Phật Quả***”. Đây là nghĩa của từ “Đảnh”, không có cái nào cao hơn cái này nữa, thành Phật rồi.

Đẳng Giác Bồ Tát sau khi đoạn sạch sẽ, một phẩm sanh tướng tập khí vô minh sau cùng, sau khi đoạn được rồi thì các ngài trở thành Diệu Giác. Lúc ấy tự nhiên dung nhập vào Thường Tịch Quang, không còn thấy cõi Thật Báo nữa, thật sự như kinh Kim Cang có nói: “**Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng**”, ngay cả cõi Thật Báo cũng không còn. Nó có phải đã bị diệt mất rồi không? Không phải. Nó không sanh không diệt, nhưng nó có sự ẩn hiện không đồng; có duyên thì nó hiện, không có duyên thì nó ẩn. Lúc ẩn thì cái gì cũng không có, đó chính là Thường Tịch Quang. *Thường* là không sanh không diệt; *Tịch* là thanh tịnh vô nhiễm, không có mảy may ô nhiễm nào; *Quang* là quang minh chiếu khắp, nó không phải vật chất, nó cũng không phải tinh thần; nó không có tư duy, không có tưởng tượng. Cho nên, nó không phải tâm pháp cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Ba loại hiện tượng này, nó đều không có. Thường Tịch Quang…. Thường Tịch Quang ở đâu? Nó không chỗ nào không có, không lúc nào không có.

Hiện tiền chúng ta đều đang ở trong Thường Tịch Quang, nếu tách khỏi Thường Tịch Quang, chỉ chẳng có thứ gì có thể hiện được. Cũng tựa như màn hình ti vi vậy, vì thế khi nhấn nút chọn tất cả kênh, nó đều có thể hiện ra. Chúng ta đem màn hình ví cho Thường Tịch Quang, nó năng hiện tất cả pháp, nó cũng có thể ẩn. Chúng ta tắt ti vi đi, thì cái sắc tướng ấy cũng không còn; sau khi tắt đi thì nó biến mất, nhưng không thể nói nó không có. Vì sao? Vì nếu bạn ấn nút mở lên thì nó lại xuất hiện, ẩn hiện tự tại. Lúc nào thì hiện? Gặp được Pháp thân Bồ Tát, nó liền hiện. Vì vậy, nếu như chúng ta chứng được Pháp thân, tức là “***phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp thân***”, cũng tức là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, nó liền hiện.

Chúng ta tỉnh dậy khỏi mười Pháp giới, mười Pháp giới không còn, đó là thật sự không còn nữa. Không bao giờ có chuyện tái hiện lại mười Pháp giới, thật sự biến mất rồi. Nhưng lúc này, cõi Thật Báo xuất hiện. Đến khi chúng ta thành Phật thì cõi Thật Báo cũng mất, Thường Tịch Quang hiện tiền, nhưng bạn phải đến dạy cho Bồ Tát của cõi Thật Báo. Bốn mươi mốt vị Pháp thân Đại sĩ ở nơi đó, bạn có duyên với họ thì cõi Thật Báo sẽ xuất hiện, bạn liền hiện báo thân; hiện báo thân dạy cho Bồ Tát trong cõi Báo Độ. Nếu như họ đều tốt nghiệp, đều thành Phật hết rồi, vậy sẽ không còn thấy cõi Thật Báo nữa.

Do đó, Thường Tịch Quang là thật, thật sự cứu cánh viên mãn. Cái này là gọi là Pháp thân, Bát nhã, Giải thoát. Giải thoát chính là đắc đại tự tại, đây là mục tiêu cao nhất của việc tu học Phật Pháp. Đắc đại tự tại, đắc đại tự tại thì có thể cảm ứng với tất cả chúng sanh. Biến Pháp giới hư không giới, chúng ta ở đây niệm A Di Đà Phật, cầu A Di Đà Phật xuất hiện. A Di Đà Phật thật đã đến rồi, Ngài có phải thật từ Thế giới Cực Lạc mà đến không? Không phải vậy, bởi vì A Di Đà Phật là Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang đang ở ngay trước mặt chúng ta, chưa hề rời khỏi chúng ta. Cho nên, Đức Phật trong Hội Lăng Nghiêm nói toàn lời thật. Phật Bồ Tát hiện thân thì gọi là “Đương Xứ xuất sanh, Tùy Xứ diệt tận”. Có duyên liền hiện, hết duyên rồi thì liền mất, không thấy nữa. Chính ngay khoảnh khắc ấy, “Đương Xứ xuất sanh, Đương Xứ diệt tận”, đây là nói lời thật với chúng ta. Nên dùng thân gì để độ, liền có thể hiện thân đó; họ cần pháp gì, bạn liền nói ngay cái pháp mà họ cần. Bạn thật sự có thể giúp được họ.

Hôm nay chúng ta niệm Phật, tại sao không có cảm ứng? Không phải không có cảm ứng, mà là do chúng ta có chướng ngại, chướng ngại Thường Tịch Quang. Pháp thân Bồ Tát không thể hiện thân, chướng ngại này chính là “vọng tưởng, phân biệt, chấp trước”, do ba loại chướng ngại này. Nếu như có thể trong một niệm tâm chế ngự được chướng ngại này, chỉ cần chế ngự nó trong một giây, Phật liền hiện trong một giây; có thể chế phục một phút thì Ngài tồn tại trong một phút; sau một phút ấy thì không còn, nếu như bạn có định lực, tâm địa thanh tịnh; không có vọng niệm, không có phân biệt, chấp trước, không có thị phi nhân ngã, như Lão hòa thượng Hư Vân. Năm bốn mươi bảy tuổi, Ngài bắt đầu triều bái đến núi Ngũ Đài, ba bước một lạy, chẳng may mắc bệnh ngay nơi hoang sơn vắng vẻ. Được nửa đường thì mắc bệnh, ngất xỉu bên đường, bốn phía đều chẳng có người, con đường đó chẳng có ai lui tới.

Bồ Tát Văn Thù hóa thân thành một gã ăn mày đến cứu Ngài, ở cùng với ngài Hư Vân hết nửa tháng. Người ăn mày này ra ngoài xin cơm về đút cho Ngài ăn, lại ra bên ngoài hái chút thảo dược trị bệnh cho Ngài. Sau nửa tháng, sức khỏe hồi phục trở lại, Ngài lại tiếp tục chuyến bái lạy; gã ăn mày này cũng chẳng thấy đâu. Qua hơn một tháng, Ngài lại mắc một trận bệnh nữa, lần bệnh trước vẫn chưa khỏi hẳn nhưng miễn cưỡng đi tiếp. Cho nên được hơn một tháng thì đau tiếp, thế là lại gặp được gã ăn mày này, Ngài cảm kích vô cùng. Không có người ăn mày này cứu Ngài, có lẽ Ngài đã chẳng còn mạng rồi, vì thế nên Ngài hỏi gã ăn mày tên gì? Nhà sống ở đâu? Người ăn mày này nói với Ngài: “*Tôi tên là Văn Cát, văn trong văn chương*”. Ông ta họ Văn Cát trong Cát Tường, ông ta bảo: “*Tôi sống ở Ngũ Đài Sơn, ông đến Ngũ Đài Sơn hỏi tôi thì ai cũng biết*”. Ngài Hư Vân ghi nhớ trong lòng, bèn đến núi Ngũ Đài nghe ngóng nhưng chẳng ai biết hết. Đến chùa lễ Bồ Tát Văn Thù, sau khi lễ lạy xong, Ngài đem chuyện này nói với đại chúng, mọi người nói với Ngài: “*Người đó là hóa thân của Bồ Tát Văn Thù*”, Ngài mới hốt nhiên đại ngộ. Đây chính là nói rõ, đức dụng của Pháp thân Bồ Tát là không thể nghĩ bàn.

Bạn xem, ban đầu khi ngài Hư Vân gặp gã ăn mày chỉ là tình cờ, gặp được một người ăn mày. Một chút tâm phân biệt, chấp trước cũng không có; cũng chẳng có nghi ngờ gì cả, nên ngài Văn Thù thị hiện thành cái tướng này; cùng chung sống với Ngài hai lần, tổng cộng hơn một tháng. Đây không hề giả, không phải huyễn tướng. Cùng sống cạnh nhau một khoảng thời gian dài đến như vậy, nhưng ngài Hư Vân hoàn toàn chẳng hay biết gì, Ngài thật sự coi gã đó là một người ăn mày. Gã ăn mày này rất lương thiện, gặp người khổ nạn đều có thể ra tay giúp đỡ. Trường hợp này tuyệt đối không phải giả, Hư Vân Lão hòa thượng không bao giờ vẽ ra một câu chuyện để gạt người. Chuyện này được chép trong Niên Phổ của Ngài, Lão hòa thượng sống đến 120 tuổi. Trong thời đại của chúng ta, Ngài là người có thời gian trụ thế dài nhất, đều là biểu pháp cho chúng ta, nhằm tăng trưởng tín tâm với nguyện tâm cho chúng ta. Chí hướng của mỗi người không đồng, nhưng đều có thành tựu.

Hòa thượng Hư Vân cả đời ngưỡng vọng đối với Bồ Tát Di Lặc, nên cầu sanh Tịnh độ của Di Lặc. Ngài thật sự vãng sanh vào Đâu Suất Nội Viện, đây là tầng trời thứ tư của cõi Trời Dục Giới, thân cận Bồ Tát Di Lặc. Muốn sanh đến trời Đâu Suất phải có một định lực tương đối; chưa đắc Thiền định thì không vào được trời Đâu Suất. Cho nên, vãng sanh vào trời Đâu Suất là chuyện khó. Nhưng Tây phương Thế giới Cực Lạc khá dễ, kẻ ngũ nghịch thập ác vậy mà lúc lâm chung chân thật sám hối, mười niệm ắt sanh. Bản thân chúng ta thử cân đo đong đếm sức mình xem, nếu như không có định lực như Lão hòa thượng Hư Vân, thế thì pháp môn đó chúng ta không có phần, đây là điều mà chúng ta không thể không biết. Pháp môn Tịnh độ thù thắng ở chỗ chỉ cần chế phục được phiền não, chứ không cần phải đoạn phiền não. Đoạn phiền não rất khó, nhưng chế phục phiền não thì dễ hơn nhiều. Nhưng vẫn là phải rèn luyện trong lúc thường ngày, trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày, thế thì vãng sanh mới nắm chắc phần. Đầu tiên phải tu nhẫn nhục Ba la mật, chuyện gì cũng phải nhẫn, phải học buông xả; đặc biệt là kiến tư phiền não. Kiến tư phiền não là thứ tạo ra luân hồi, chúng ta hy vọng siêu việt luân hồi thì kiến tư phiền não càng nhạt càng tốt, buông xả hoàn toàn liền chứng quả A La Hán. Vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc thì không còn là cõi Đồng Cư nữa rồi, nhất định là sanh đến cõi Phương Tiện Hữu Dư, phẩm vị này cao. Chúng ta không có công phu Thiền định đó, thế thì phải học theo Hải Hiền Lão hòa thượng. Một câu Phật hiệu lại thêm bộ kinh nữa, chính là bản Hội tập kinh Vô Lượng Thọ, một bộ chú giải là bản Chú giải của Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là đủ rồi, những thứ khác thảy đều buông xả. Một lòng một dạ, một đời không đổi, tương lai việc vãng sanh của chúng ta mới thật sự có thể nắm chắc trong tay.

Một đoạn phía sau, quyển thứ 7 của sách Bí Tạng Ký Sao, đoạn này vô cùng quan trọng. Đây là nói ra cho chúng ta biết ý nghĩa thật sự của quán đảnh: “**Quán nghĩa là đại bi hộ niệm, Đảnh nghĩa là Phật Quả cao tột nhất**”, cách giải thích này rất hay. Vậy thì, “***đại bi hộ niệm***” là chỉ cho tất cả chư Phật Như Lai đến hộ niệm cho người tu hành. Nếu bạn thật tu, các ngài sẽ đến hộ niệm cho bạn, đại từ đại bi. Đảnh là gì? Đảnh là Phật Quả cao nhất, cũng chính là pháp môn Vô thượng, quả thật có thể giúp bạn thành Phật trong một đời. Đây là đỉnh cao nhất, ý nghĩa này không phải đã rất rõ ràng rồi sao! Phát tâm niệm Phật vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, đây chính là Phật Quả cao tột. Đến được Thế giới Cực Lạc, quyết định một đời chứng đắc Phật Quả rốt ráo viên mãn. A Di Đà Phật đảm bảo cho chúng ta, đem pháp môn này truyền trao cho chúng ta, chính là “đại bi hộ niệm”. Chúng ta ngay trong đời này gặp đươc bộ kinh này, gặp được pháp môn này, chính là Đức Di Đà Như Lai đại bi hộ niệm. Dùng pháp môn cao tột thành Phật ngay trong một đời này, trong tất cả pháp môn đỉnh cao, không có pháp nào cao hơn pháp này. Nay đem pháp này truyền cho chúng ta, đây gọi là chân chính quán đảnh. Các vị nếu như muốn tiếp nhận quán đảnh, vậy thì bộ kinh này từ đầu đến cuối đọc qua một lượt, đồng nghĩa Di Đà Thế Tôn quán đảnh cho bạn.

Kinh này quá dài, có thể ngắn hơn một chút có được không? Được. “Phật thuyết A Di Đà kinh” không dài. Bạn đem kinh A Di Đà đọc qua một lượt từ đầu đến cuối, cũng là đại bi quán đảnh, hiệu quả hoàn toàn tương đồng như niệm bộ kinh này vậy. Kinh Vô Lượng Thọ được xưng là đại bổn, kinh A Di Đà được xưng là tiểu bổn. Nội dung hoàn toàn tương đồng nhau, chính là có nghĩa như vậy. Để tôi nói với bạn còn một cách đơn giản hơn nữa, Hải Hiền Lão hòa thượng vì chúng ta biểu pháp. Ngài biểu cái gì vậy? Chính là một câu A Di Đà Phật. Bạn niệm một tiếng tức là quán đảnh cho bạn một lần; một ngày bạn niệm mười ngàn tiếng, coi như bạn được quán đảnh mười ngàn lần. Đây là sự thật, không hề giả. Trong sách Bí Tạng Ký Sao nói như vậy, làm sao mà giả được! Cho nên “***chư Phật hộ niệm***”, mười phương Phật hộ niệm cho người niệm Phật. “***làm cho trụ nơi Phật đảnh***”, “vãng sanh bất thối, tốc chứng chánh giác”, đây chính là “***khiến cho trụ nơi Phật đảnh***”. Các Ngài giúp cho chúng ta nhất định đạt đến Phật đảnh, không có gì cao hơn cái này. Bạn xem, “***đều gọi là quán đảnh, nay kinh này***”, hiện tại kinh này nói rằng: “***lên địa vị Quán Đảnh, nếu xét về các bậc Đại sĩ trong hội, dự hội***” nghĩa là, người có mặt tại hiện trường. Đồng học chúng ta đang ở trước màn hình ti vi, hay đồng học đang trên mạng internet, mọi người đều cùng trong một hội. Đối với những vị Bồ Tát này, đối với những vị Bồ Tát của Thế giới Cực Lạc mà nói, đây là Hậu vị. Nếu là “***về phía chúng sanh được dạy dỗ***”, tức là những người như chúng ta “***thì người được quán đảnh là Sơ vị***”. Sơ vị cũng chính là Hậu vị, vấn đề ở chỗ bạn có tín tâm chân thật hay không mà thôi. Thật tin có Thế giới Cực Lạc, thật có A Di Đà Phật, một chút tơ hào hoài nghi cũng không có. Nếu có cái tâm như vậy, vậy thì bạn chính là Sơ vị Quán Đảnh được đề cập đến trong kinh.

Bạn đến Tây phương Thế giới Cực Lạc, gặp mặt A Di Đà Phật, bạn liền tiếp nhận Hậu vị Quán Đảnh. Tại sao vậy? Vì bạn vốn dĩ là Phật, kinh Hoa Nghiêm có nói: “**Tất cả chúng sanh vốn dĩ là Phật**”, Sơ vị chính là đảnh vị. Về đại ý của quán đảnh, chúng ta chỉ học đến đây thôi. Các vị tuyệt đối phải ghi nhớ lấy, quán đảnh chân thật chính là truyền thụ đại pháp. Dùng nước rưới lên đầu vài giọt, đó là hình thức, là biểu pháp. Phật Pháp trọng thực chất, không trọng hình thức, đây là điều mà thuở đầu Chương Gia Đại sư nói với tôi. Thực chất, chúng ta đem kinh này tặng cho người, đây chính là quán đảnh. Họ có thể y theo kinh này mà tu hành, chắc chắn vãng sanh, chắc chắn thành Phật. Công đức kinh giáo, pháp môn là không thể nghĩ bàn.

Chúng ta xem đoạn kế tiếp: “**Thọ Bồ đề ký**”, đây là trong bản Đường dịch, “**Thọ (授) nghĩa là trao cho; Ký (記) là ghi biết, cũng có nghĩa là huyền ký**”. Trước hết nói với bạn: “***Phật đối với chúng sanh đã phát đại tâm; trao lời huyền ký ‘tương lai quyết định thành Phật’ thì gọi là Thọ Ký’***”. Chân thật phát đại tâm, vì sao lại học Phật? Vì để thành Phật chứ chẳng vì cái gì khác. Chúng ta trong Đàn Kinh có thấy, Đại sư Huệ Năng đến Hoàng Mai bái kiến Ngũ Tổ. Lúc đầu gặp mặt, Ngũ Tổ liền hỏi Ngài “*Anh đến chỗ ta để làm gì?*”. Ngài Huệ Năng lúc đó hai mươi bốn tuổi, dứt khoát nói với Ngũ Tổ: “*Con đến để làm Phật*”. Đại khái, trong đời Ngũ Tổ cũng chưa từng thấy qua một người nào như vậy cả, Ngài đến để làm Phật. Người bình thường thường nói muốn thăng quan phát tài, chuyện này rất nhiều; hoặc là đến học kinh giáo, hoặc giả đến để học tham thiền, rất nhiều người như vậy. Đại khái mở miệng “muốn đến để làm Phật”, có thể cả đời chỉ gặp được một người như thế mà thôi, vô cùng hiếm có.

Ngũ Tổ hỏi Ngài vài vấn đề, Ngài đối đáp hết sức cao minh. Biết được con người này chẳng phải người tầm thường; nói xong, dặn dò Ngài xuống nhà bếp làm công quả. Ngài ở trong nhà bếp giã gạo chẻ củi, mỗi ngày đều làm công việc này. Làm cái này để làm gì? Để tu phước, thực tế là đang tu định. Ngài thật nghe lời, thật làm, thật hiểu được ý tứ của Tổ Sư. Chúng ta trong Đàn Kinh xem thấy, Ngài ở Hoàng Mai trú hết tám tháng, chỉ biết mỗi nhà bếp, vì đó là nơi làm việc của Ngài. Ngoài nơi đó ra, trong đạo tràng, Ngài chẳng hề dạo qua lấy một lần. Người này gọi là người thật thà, dạy một chính là một, dạy hai chính là hai. Cho nên, Đại sư Thần Tú có làm một bài kệ, dán ở chỗ nào Ngài cũng không biết. Điều này nói lên cái gì? Nói lên Ngài thật thà, đây là nhân tố thành tựu của Ngài. Tại sao Ngài lại có thành tựu lớn đến như vậy? Vì tâm Ngài là định, cho nên Ngài có thành tựu lớn như vậy. Sau cùng, y bát của Ngũ Tổ cũng trao cho Ngài, Ngài thật sự làm Phật rồi.

Pháp sư Cảnh Hưng có nói: “*Đức Thánh nói đương quả*”, đương quả là quả trong tương lai, “*khiến cho biết được nhân lợi*” (cái lợi do tu nhân). Quả báo mai sau, bây giờ bạn vẫn chưa đạt được nhưng vẫn nói với bạn để tâm bạn được vững vàng, yên ổn. Bạn tu hành càng dụng công, càng nỗ lực hơn nữa thì đây gọi là Thọ Ký. Vì vậy, trong Tịnh độ tông, bạn niệm Phật niệm đến công phu thành phiến, A Di Đà Phật liền sẽ hiện thân. Vì sao? Vì để nói với bạn: “*Con vẫn còn bao năm thọ mạng; đợi đến khi mạng chung, ta sẽ đến tiếp dẫn con*”, bạn sẽ rất yên tâm. Được gặp mặt A Di Đà Phật, đây chính là Thọ Ký. Do đó, người niệm Phật, một đời chí ít thấy Phật ba lần. Công phu thành phiến liền có tư cách gặp mặt Ngài, đây là lần thứ nhất thấy Phật; lần thứ hai thấy Phật có lẽ là trước lúc vãng sanh từ một tháng đến ba tháng. Lúc này, Ngài sẽ chính thức báo cho bạn biết thời gian, ngày nào Ngài sẽ đến tiếp dẫn bạn, đây là lần thứ hai; lần thứ ba là lần Phật đến tiếp dẫn, chính là cái ngày vãng sanh. Vì vậy, ít nhất là ba lần. Ba lần này, chính như kinh Lăng Nghiêm có nói: “**Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật**”. Đây là hiện tiền thấy Phật, vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, đó là nhất định thấy Phật. Hiện tiền nhất định thấy, tương lai nhất định thấy. Vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, Phật đến tiếp dẫn bạn vãng sanh.

Sơ Tổ Đại sư Huệ Viễn của chúng ta, thuở còn sanh tiền Ngài ba lần thấy Phật. Lần tiếp dẫn sau cùng là lần thứ tư, tổng cộng là bốn lần. Cho nên, tôi ước tính Hải Hiền Lão hòa thượng chí ít thấy Phật trên mười lần. Thời gian Ngài dài như vậy, chín mươi hai năm; gặp phải hoàn cảnh phức tạp, cho nên khẳng định Phật thường quan tâm đến Ngài. Tâm Ngài là định, tâm không loạn, có thể ứng đối một cách ung dung. Điều này vô cùng khó được! “***Nghĩa là: Đức Phật tiên đoán tương lai sẽ thành quả Phật, khiến cho hành nhân ngay khi ấy biết được cái lợi của việc tu nhân của chính mình***”. Lợi ích tu nhân của chính mình “***làm cho hành nhân biết được rằng cái nhân Bồ đề hiện tại; quyết định trở thành cái quả thành Phật, nên gọi là Thọ Ký. Ý của câu ‘thọ Bồ đề ký’ trong kinh, là các bậc Đại sĩ trong hội đều được thọ ký, quyết định sẽ thành Phật***”. Mười sáu vị Đại sĩ được nói trong kinh này, mười sáu vị Đẳng Giác Bồ Tát này đều là Bồ Tát tại gia. Ở nơi đây, Thích Ca Mâu Ni Phật thọ ký cho các ngài, tương lai các ngài nhất định ở Thế giới Cực Lạc, mà thành Đẳng Chánh Giác; Đẳng Chánh Giác tức là làm Phật.

Chúng ta gặp được cái hội này, đọc đến đoạn kinh văn này cùng với Chú giải. Trong Chú giải, Niệm Lão dẫn dụng Kinh luận “Đại Nhật Kinh Sớ”, dẫn dụng “Bí Tạng Ký Sao”, vì chúng ta chứng thực Phật thọ ký là thật. Chúng ta tin tưởng, chúng ta phải nghiêm túc mà học tập, nghiêm túc niệm Phật, buông xả vạn duyên. Chỉ có một phương hướng, chính là Tây phương Thế giới Cực Lạc; chỉ có một mục tiêu, chính là thân cận A Di Đà Phật. Niềm tin này kiên định không bao giờ thay đổi, hơn nữa còn phải chăm chỉ nỗ lực. Hướng về phương hướng đó mà đi, không lâu là bạn liền sẽ được A Di Đà Phật thọ ký. Có người thấy trong mộng, có người thấy ở trong định, đều chẳng phải giả, bạn biết bạn vào lúc nào sẽ vãng sanh Thế giới Cực Lạc.

Hiện giờ còn ở thế gian này, bất kể là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, bạn đều rất hoan hỷ. Tại sao? Vì ta biết lúc nào ta sẽ đến Thế giới Cực Lạc, nên cái gì cũng hoan hỷ, thật sự pháp hỷ sung mãn.

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật.**